| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ R**<br>**TỈNH KIÊN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 18-6-2020.
V/v Tranh chấp ly hôn.

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: **Ông Đoàn Văn Thậm**.

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. **Bà Trần Thị Lệ**;
2. **Bà Chung Kim Sang**.

***- Thư ký phiên tòa***: **Bà Lê Thị Tú** – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố R.

Trong ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 184/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1979. (có mặt)*
Địa chỉ: đường N, khu phố 1, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn: Ông Danh Th, sinh năm 1971. (có mặt)*
Địa chỉ: đường N, khu phố 1, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa nguyên đơn – bà Bùi Thị L trình bày:** Tôi và chồng là Danh Th tự quen nhau và tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, không tổ chức đám cưới cũng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến khoảng tháng 01 năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng ngày càng trầm trọng, chúng tôi có hàn gắn nhưng không thành, vợ chồng tôi cũng đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Thấy sống chung không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên tôi yêu cầu ly hôn.

Nguyên nhân ly hôn: Do vợ chồng tính tình không hợp, không còn tình cảm với nhau. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác.

- Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung tên Bùi Thị Th, sinh ngày 23/3/2002 và Bùi Văn B, sinh ngày 07/11/2005. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Văn B, tôi xác định đủ điều kiện tự nuôi con nên

không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Bùi Thị Th đã thành niên, có khả năng lao động tự lo cuộc sống không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi cam đoan đã trình bày đúng sự thật.

*** Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa, bị đơn – ông Danh Th trình bày:** Tôi thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày của vợ tôi về quá trình hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung nên không bổ sung gì thêm.

Về hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 02 người con chung tên Bùi Thị Th, sinh ngày 23/3/2002 và Bùi Văn B, sinh ngày 07/11/2005. Tôi đồng ý giao con chung tên Bùi Văn B cho vợ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi cam đoan đã trình bày đúng sự thật.

*** Tại phiên tòa**: Nguyên đơn – bà Bùi Thị L và bị đơn – ông Danh Th thống nhất thuận tình ly hôn, thống nhất giao con chung tên Bùi Văn B cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Th không phải cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận tự thỏa thuận tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về thủ tục tố tụng**: Bà Bùi Thị L khởi kiện xin ly hôn ông Danh Th có địa chỉ đường N, khu phố 1, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và có chỗ ở hiện nay tại đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[2] Về quan hệ hôn nhân**: Bà Bùi Thị L và ông Danh Th tự quen biết và tự nguyện chung sống với nhau năm 2001, không tổ chức lễ cưới, từ thời điểm chung sống với nhau cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, không cùng quan điểm sống, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Ngoài ra, không còn nguyên nhân nào khác. Tại phiên tòa bà L và ông Th khẳng định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Ngoài ra theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này". Do đó, HĐXX nhận định mối quan hệ giữa bà L và ông Th là không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

**[3] Về con chung**: Bà L và ông Th xác nhận có 02 người con chung tên Bùi Thị Th, sinh ngày 23/3/2002 và Bùi Văn B, sinh ngày 07/11/2005, hiện đang sống với bà L. Bà L và ông Th thống nhất sau khi ly hôn thì bà L sẽ tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Văn B, phù hợp nguyện vọng của cháu B và đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, nếu sau này bà L không có khả năng nuôi con thì có quyền khởi kiện yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con thành vụ kiện khác.

Đối với con chung tên Bùi Thị Th đã thành niên, có khả năng lao động tự lo cuộc sống không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung**: Ông bà xác nhận tự thỏa thuận tài sản chung, và cam kết hiện nay không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**[5] Về án phí**: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn – bà Bùi Thị L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001921 ngày 24/4/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố R nên không phải nộp thêm.

***Vì các lẽ trên***;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 8, khoản 10 Điều 27 và mục I Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị L và ông Danh Th.

2. Về con chung: Giao bà Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Văn B, sinh ngày 07/11/2005, phù hợp nguyện vọng con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Ông Danh Th có quyền tới lui, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Bà L và ông Th xác nhận tự thỏa thuận tài sản chung và cam kết hiện nay không có nợ chung không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn – bà Bùi Thị L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001921 ngày 24/4/202016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R, nên bà L không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/6/2020).

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.R;
- Chi cục THA dân sự tp.R;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đoàn Văn Thậm**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.RẠCH GIÁ**
TỈNH KIÊN GIANG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2017. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mãnh;
2. Bà Chung Kim Sang.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 162/2017/TLST-HNGĐ ngày 05/5/2017 về việc "Tranh chấp Ly hôn" giữa:

*1. Nguyên đơn*: **Bà Dương Thị Thúy An, sinh năm: 1987**.
Địa chỉ: Số 735 tổ 3 ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*2. Bị đơn:* **Ông Nguyễn Văn Banh, sinh năm: 1985**.
Địa chỉ: Số 735 tổ 3 ấp Tà Tây, xã Phi Thông, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THỐNG NHẤT 100%

- - Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Các Điều 91, Điều 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị Thúy An đối với ông Nguyễn Văn Banh.

*Tuyên xử*:

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Bà Dương Thị Thúy An được ly hôn với ông Nguyễn Văn Banh.

**2. Về con chung**: Giao hai người con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Vàng, sinh ngày 02/11/2007 và Nguyễn Văn Khang, sinh ngày: 21/10/2010 cho bà

Dương Thị Thúy An trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà An về việc không yêu cầu ông Banh cấp dưỡng nuôi con. Nếu trong quá trình nuôi dưỡng về sau bà An gặp khó khăn thì có quyền yêu cầu ông Banh thực hiện cấp dưỡng nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Bà Dương Thị Thúy An cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn Banh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

**3. Về tài sản chung và nợ chung**: Ông bà xác nhận không có tài sản chung, và cam kết hiện nay không nợ ai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí**: Bà Dương Thị Thúy An phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số số 0007215 ngày 17/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, như vậy bà Dương Thị Thúy An không phải nộp thêm.

Nghị án kết thúc vào lúc 10 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2017. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Cao Trọng Mãnh** **Chung Kim Sang** **Huỳnh Tất Ngọc Trân**